

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **112/2022/DS-ST**
Ngày 29 tháng 09 năm 2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Loan

2. Ông Lê Văn Đô

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Trong các ngày 28 và 29 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113a/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 134a ngày 21/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Hồ, thôn L, xã L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án không có lý do)

Địa chỉ: Xóm Bình An, thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961

2. Chị Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1983
3. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987
4. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989

Đều địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bà M, chị Giang, anh D, anh D ủy quyền cho ông Nguyễn Văn X tham gia tố tụng (có mặt).

5. Đồng Thị Thu D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị D ủy quyền cho chồng là anh Nguyễn Văn P tham gia tố tụng (có mặt).

6. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1979
7. Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2001 (vắng mặt)
8. Nguyễn N A, sinh năm 2003

Chị L, chị N A đều ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H tham gia tố tụng (có mặt)

Đều địa chỉ: Xóm Bình An, thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

10. UBND xã H

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Duy Bôn, chức vụ chủ tịch UBND xã H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Sơn- phó chủ tịch UBND xã tham gia tố tụng (có đơn xin vắng mặt)

10. UBND huyện Hiệp Hòa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Công Bộ, chức vụ Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang Toàn- Phó P tài nguyên và môi trường huyện Hiệp Hòa (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Ngày 25/6/2018 ông và ông P có thỏa thuận mua của ông Đào Đức Thanh và bà Nguyễn Thị Dự. Đều địa chỉ: Thôn Phúc Hậu, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thửa đất số 46, tờ bản đồ số 10, diện tích 181m² được UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC152378 ngày 06/8/2010. Địa chỉ tại khu Bắc Cầu Đen, thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Theo thỏa thuận thì ông X mua ½ thửa đất, ông P mua ½ thửa đất nên ông Thanh, bà Dự đã làm thủ tục tách thửa đất số 46 thành hai thửa 451 và thửa 452.

Ngày 25/6/2018 ông và vợ chồng ông Thanh ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật. Theo hợp đồng thì ông X nhận chuyển nhượng thửa đất số 452, tờ bản đồ số 10, diện tích 89,1m². Ngày 19/7/2018 ông được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 092090 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Văn X.

Ngày 28/02/2021 anh Nguyễn Văn H tự ý mang vật liệu xây dựng xây tường bao trái phép lên một phần của hai thửa đất của ông và ông P. Sau khi phát hiện ông P có đơn tố cáo hành vi của ông H tới UBND xã H. Ngày 02/4/2021 UBND xã H ra thông báo số 22/B-UBND buộc ông H tháo dỡ phần tường bao kích thước xây cao 1m trả lại mặt bằng cho gia đình anh P hạn trước ngày 15/4/2021 nhưng ông H không thực hiện và không khiếu nại gì.

Ngày 18/1/2021 và ngày 22/10/2021 UBND xã H đã tiến hành hòa giải về việc ông H lấn chiếm đất, xây tường bao trên đất của ông và ông P nhưng anh H không hợp tác. Ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H tháo dỡ phần tường xây trái phép trên đất của ông và trả lại ông diện tích đất đã lấn chiếm phía đuôi thửa đất 452 theo kết quả đo đạc hiện trạng là 11,8m².

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Về nguồn gốc thửa đất và quá trình nhận chuyển nhượng như ông X đã trình bày là đúng. Ngày 25/6/2018 ông và vợ chồng ông Thanh, bà Dữ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật. Theo hợp đồng thì ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 451, tờ bản đồ số 10, diện tích 89,2m². Ngày 31/8/2018 ông được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 459723 đứng tên chủ sở hữu ông Nguyễn Văn P và bà Đồng Thị Thu D. Quá trình ông sử dụng đất không có ai tranh chấp gì.

Ngày 28/02/2021 anh Nguyễn Văn H tự ý mang vật liệu xây dựng xây tường bao trái phép lên một phần của hai thửa đất của ông và ông X. Sau khi phát hiện ông có đơn tố cáo hành vi của anh H tới UBND xã H. Ngày 02/4/2021 UBND xã ra thông báo số 22/B-UBND buộc ông H tháo dỡ phần tường bao kích thước xây cao 1m trả lại mặt bằng cho gia đình ông hạn trước ngày 15/4/2021 nhưng ông H không thực hiện.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H tháo dỡ phần tường xây trái phép trên đất của ông và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm phía đuôi thửa đất 451 theo kết quả đo đạc hiện trạng là 11,8m².

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất của ông là do ông mua của ông Được và anh Đạt năm 2003, nguồn gốc là đất nông nghiệp tại thửa 110, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tổng diện tích thửa đất theo bản đồ giải thửa là 273m², trong đó nhà ông Được là 168m² và anh Đạt là 105m². Năm 2003, khi quy

hoạch đất ở nhà nước đã thu hồi của nhà anh Đạt, ông Được 1 phần, còn lại diện tích là 206m² bán cho anh. Khi anh mua đất có giấy tờ viết tay với ông Đạt, anh Được, hai bên có đo đạc với nhau nhưng không có chứng kiến của thôn và chưa làm thủ tục chuyển nhượng ở xã. Năm 2003, thôn làm đường điện nên có quy hoạch đất nông nghiệp chuyển thành đất thổ cư. Do ông có giấy mua bán với ông Được và anh Đạt và một số hộ dân nên được mua đất thổ cư có phiếu thu với thôn ngày 29/9/2003 là 15.500.000đồng. Đến năm 2008, khi ông báo ông Được, ông Đạt xác nhận lại việc mua bán đất năm 2003 thì ông Được đã thu lại giấy mua bán viết năm 2003 và viết lại bằng giấy viết tay ngày 27/6/2008. Trong giấy viết chỉ thể hiện diện tích 206m², các phía giáp đất nhà ai chứ không thể hiện chiều dài các cạnh và có xác nhận của thôn. Sau khi mua xong ông vẫn canh tác trên thửa đất này đến năm 2015 thì bỏ đất không.

Năm 2019, nhà ông P, ông X đổ đất trùm lên đất của ông nên mới xảy ra tranh chấp. Ông đã xây tường cay ngăn đất giữa với nhà ông P và ông X. Khi ông xây tường thì gia đình ông P, ông X không ngăn cản gì nhưng ông P có đơn ra xã tố cáo ông xây tường trên đất nông nghiệp. Khi xã gọi ông ra làm việc thì ông xác định đất này ông đã mua của thôn là đất thổ cư, xã có thông báo yêu cầu ông tháo dỡ tường nhưng do ông đã cung cấp đầy đủ giấy tờ nên không yêu cầu ông tháo dỡ nữa. Nay ông X, ông P yêu cầu ông tháo dỡ bờ tường và trả đất thì ông không đồng ý vì ông xây tường trên đất của ông đã mua. Trước khi ông P, ông X đổ đất thì mốc giới giữa đất nhà ông và nhà ông P, ông X là bờ ruộng. Hiện nay, đã mất mốc giới nên ông tự xác định đất của ông là từ mép trong bờ tường cay ông xây năm 2020 kéo về phía đường tỉnh lộ 296 là 50cm. Năm 2020, khi ông xây tường thì ông tự xác định mốc giới, ông lấy đuôi đất của những nhà bên cạnh giáp đất nhà ông P kéo lên 12m là mốc giới đất của ông. Căn cứ để ông xác định mốc giới là trước đó tập thể quy hoạch đất ở năm 2003 từ bờ ruộng vào đất là 30m, sau khi trừ đất của ông Luân là 18m thì 12m còn lại là đất của ông mua của ông Đạt, ông Được. Ông mua đất của ông Được và anh Đạt là 206m², ông đã bán cho ông Liễn 80m², còn lại 125m². Việc ông bán đất cho ông Liễn cũng không có giấy tờ, đo đạc gì. Nay ông xác định là đất của ông tính từ phần ranh giới mà ông X, ông P chỉ kéo vào trong là 2,8m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P, ông X đã cấp chồng lên đất của ông. Diện tích đất tranh chấp ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã H do ông Nguyễn Văn Sơn là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 452, tờ bản đồ số 10, diện tích 89,1m² và thửa đất số 451, tờ bản đồ số 10, diện tích 89,2m² có nguồn gốc được thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa giao trái thẩm quyền tháng 3 năm 1993 cho ông Nguyễn Văn Luân để làm đất ở.

Ngày 03/7/2009 được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 46, tờ bản đồ số 10, diện tích 181m², mục đích sử dụng đất ở. Năm 2010, ông Luân chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho bà Nguyễn Thị Dự. Năm 2018, bà Nguyễn Thị Dự đã tách thửa đất 46 thành 2 thửa. Thửa đất 451 bà Dự chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn X và thửa đất số 452 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn P và bà Đồng Thị Thu D. Quá trình thiết lập hồ sơ ban đầu cho ông Nguyễn Văn Luân và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Luân và bà Dự, bà Dự và ông X, ông P theo đúng quy định pháp luật. Do ông Sơn bận công việc nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Hiệp Hòa ông Vũ Quang Toàn trình bày:

Qua hồ sơ do Chi nhánh văn P đăng ký đất đai cung cấp thì thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Luân và thủ tục chuyển nhượng giữa ông Luân với bà Dự, ông Thanh; giữa bà Dự, ông Thanh với ông X, ông P là đúng quy định pháp luật. Do bận công việc nên ông Toàn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng ông Phạm Văn Nhiên trình bày:

Ông là kế toán thôn H từ năm 1993 đến nay. Năm 2003-2004 ông H có kê khai là có giấy mua bán đất với các hộ gia đình nên đề nghị thôn H bán cho toàn bộ diện tích đất ông đã mua của các hộ dân. Tuy nhiên, thôn không tiến hành đo đạc cụ thể mà chỉ xác định theo thửa ruộng của các hộ đã nhận chia và theo bản đồ giải thửa nên hiện nay không xác định được cụ thể ranh giới thửa ruộng của các hộ.

Người làm chứng ông Phạm Đức Đại trưởng thôn H trình bày:

Những năm 2003-2004 ông không có nhà nên việc mua bán đất giữa các hộ ông không nắm được. Hiện nay, hiện trạng phân đất có tranh chấp đã được tân lên cao nên không thể xác định được ranh giới các thửa ruộng như trước kia.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Luân trình bày:

Năm 1990- 1992 gia đình ông được chia đất nông nghiệp theo quy định của Nhà nước. Sau đó ông đổi đất ở xứ đồng Sau cho bà Nghĩa, bà Xuân lấy đất ở xứ đồng Cầu Đen tổng diện tích 5,8 thước. Đến năm 1993-1994 thôn H có chủ trương bán đất để làm đường điện nên đã bán đất nông nghiệp thành đất ở trong đó có khu vực Cầu Đen. Gia đình ông đã mua thửa đất ở Cầu Đen có phiếu thu của thôn. Đến năm 2009, gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010 ông bán thửa đất này cho bà Dự. Sau này bà Dự bán cho ông P, ông X như thế nào thì ông không biết. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ông X, ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H tháo dỡ bức tường xây trên đất của ông P, ông X trả lại ông X diện tích đất là 11,8m², trả lại ông P 11,8m². Ông H không đồng ý với yêu cầu của ông X, ông P và đề nghị Tòa án xác định rõ ranh giới đất giữa đất của ông mua của ông Được, anh

Đạt và đất của ông P, ông X theo bản đồ và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 ;Điều 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175, khoản 1 Điều 176; 185 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí: xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải tháo dỡ phần tường xây trái phép trên phần đất của ông Nguyễn Văn X tại thửa số 452, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và trả lại cho ông Nguyễn Văn X diện tích đất là 11,8m² theo kết quả đo đạc là A2A3A4A9 (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Văn H phải tháo dỡ phần tường xây trái phép trên phần đất của ông Nguyễn Văn X và trả lại cho ông Nguyễn Văn X diện tích đất là 11,8m² theo kết quả đo đạc là A2A9A8A1 (có sơ đồ kèm theo).

Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng

Hoàn trả ông Nguyễn Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0007930 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Văn P và các tài liệu do các ông cung cấp Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp quyền sử dụng đất theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông X, ông P cùng khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn H yêu cầu tháo dỡ bờ tường xây trái phép trên đất và yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm nên Tòa án đã căn cứ vào Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự để nhập hai vụ án thành một vụ án để giải quyết.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Công, ông Nguyễn Văn Sơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt lần thứ hai, người làm chứng có đơn xin vắng mặt. Ông H xác định việc

tranh chấp không liên quan đến chị M nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227; Điều 228; 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H tháo dỡ phần tường xây trái phép trên đất của ông và trả lại ông diện tích đất đã lấn chiếm phía đuôi thửa đất 452, tờ bản đồ số 10 là 11,8m² và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H tháo dỡ phần tường xây trái phép trên đất của ông và trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm phía đuôi thửa đất 452, tờ bản đồ số 10 là 11,8m².

Hội đồng xét xử thấy: Năm 2018 ông X và ông P có thỏa thuận với ông Thanh, bà Dự mua thửa đất thửa đất số 46, tờ bản đồ số 10, diện tích 181m² được UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 152378 ngày 06/8/2010. Địa chỉ tại khu Bắc Cầu Đen, thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mang tên bà Nguyễn Thị Dự. Do mỗi người mua ½ thửa đất nên bà Dự đã tách thửa đất số 46 thành thửa 451 và 452 và chuyển nhượng cho ông P và ông X. Sau khi nhận chuyển nhượng ông X và ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông H tự ý xây tường lên phần đất ông X và anh P đã nhận chuyển nhượng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Dự và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông X, ông P nên các ông khởi kiện yêu cầu ông H tháo dỡ bờ tường và trả lại đất là có căn cứ theo điều 185 của Bộ luật dân sự.

Đối với ý kiến của ông H cho rằng phần đất ông xây tường là đất ông mua của ông Đạt, ông Được năm 2003 có giấy tờ viết tay và đến năm 2008 thì ông Đạt, ông Được viết lại giấy cho ông có xác nhận của thôn nhưng ông H chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông H chưa có quyền sử dụng hợp pháp với thửa đất này. Ông H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phần đất đang tranh chấp là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Ranh giới phần đất ông mua với đất của ông X, ông P cũng không xác định được. Việc ông tự xác định ranh mốc giới và xây tường bao lấn chiếm vào phần đất ông X, anh P đã được cấp giấy chứng nhận là không có căn cứ.

Nay ông X, ông P khởi kiện yêu cầu ông H phải tháo dỡ bờ tường xây trái phép trên đất và trả lại ông X, ông H mỗi người 11,8m² đất là có căn cứ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X, ông P.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông X, ông P tự nguyện chịu nên không xem xét.

[4] Về án phí: ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí:

[5] Về quyền kháng cáo: cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 ; Điều 229; Điều 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175, khoản 1 Điều 176; 185 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí: xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải tháo dỡ phần tường xây trái phép trên phần đất của ông Nguyễn Văn X tại thửa số 452, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và trả lại cho ông Nguyễn Văn X diện tích đất là 11,8m² theo kết quả đo đạc là hình A2A3A4A9 (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Văn H phải tháo dỡ phần tường xây trái phép trên phần đất của ông Nguyễn Văn X và trả lại cho ông Nguyễn Văn X diện tích đất là 11,8m² theo kết quả đo đạc là hình A2A9A8A1 (có sơ đồ kèm theo).

Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng

Hoàn trả ông Nguyễn Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0007930 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa (2 b);
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Oanh

